

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung về lĩnh vực
tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 05/TTr-TNMT ngày 02/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh, cụ thể như sau:

1. Nội dung ủy quyền:

a) Xác nhận đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Thời hạn xác nhận đăng ký khai thác theo tiến độ thực hiện dự án.

b) Cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có sử dụng nguồn vốn đầu tư công với trữ lượng khoáng sản khai thác đến 50.000 m³. Thời hạn cấp phép khai thác theo tiến độ thực hiện dự án.

c) Thành lập Hội đồng kỹ thuật thẩm định đề án thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (trường hợp nội dung đề án thăm dò khoáng sản phức tạp), được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 59 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, đã sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

d) Thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp tỉnh, được quy định tại khoản 3 Điều 34 và điểm a khoản 3 Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP, đã sửa đổi, bổ sung tại khoản 33 Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP.

đ) Phê duyệt, công nhận trữ lượng và tài nguyên khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp tỉnh, được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Luật Khoáng sản và điểm a khoản 1 Điều 34 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

e) Phê duyệt, điều chỉnh, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh, được quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 5, khoản 6 Điều 10 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

g) Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp tỉnh, được quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

h) Phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp tỉnh, được quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

i) Thành lập hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp tỉnh, được quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

k) Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp tỉnh, được quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Khoáng sản và khoản 1 Điều 46 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

2. Thời hạn ủy quyền: Từ ngày 15/01/2025 đến hết ngày 30/6/2025, trừ trường hợp quy định của pháp luật về nội dung trên có sự thay đổi.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường sử dụng con dấu, số văn bản của cơ quan mình khi thực hiện các nội dung được ủy quyền; có quyền gia hạn, điều chỉnh, thu hồi văn bản xác nhận đăng ký, cấp phép khai thác khoáng sản đã ban hành theo ủy quyền.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này. Kết quả thực hiện tổng hợp, báo cáo và đề xuất UBND tỉnh (thời gian trước ngày 15/7/2025) theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh, Báo Bắc Giang;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN, NC-KSTTHC, KTN, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN. Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thế Tuấn